

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **5921** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày **28** tháng **9** năm **2018**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám chữa bệnh, Bộ Y tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh được sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BYT ngày 06/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế về việc quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên;

**Điều 2.** Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh ban hành tại Quyết định số 2510/QĐ-BYT ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực khám chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ, Tổng cục và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các đ/c Thủ trưởng (để b/cáo);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, VPCP;
- Công Thông tin điện tử - Bộ Y tế;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Lưu: VT, KCB.



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC  
KHÁM CHỮA BỆNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
BỘ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-BYT-286973-TT	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II	Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế về việc Quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên	Khám bệnh, chữa bệnh	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-BYT-286975-TT	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Thông tư số 17/2018/TT-BYT ngày 06 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế về việc Quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên	Khám bệnh, chữa bệnh	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

<b>1- Thủ tục</b>	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II
<b>Trình tự thực hiện</b>	
	<p><b>Bước 1.</b> Thuyền viên khám sức khỏe đến cơ sở Khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe thuyền viên theo qui định, nộp Giấy khám sức khỏe theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế; Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin cá nhân, tình trạng sức khỏe hiện tại, tiền sử bệnh tật của bản thân và gia đình trong phần tiền sử của đối tượng khám sức khỏe (theo mẫu giấy khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam).</p> <p><b>Bước 2.</b> Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối chiếu ảnh trong giấy khám sức khỏe thuyền viên với người đến khám sức khỏe thuyền viên; Đóng dấu giáp lai vào ảnh sau khi đã thực hiện việc đối chiếu ảnh và hướng dẫn quy trình khám sức khỏe cho đối tượng khám sức khỏe thuyền viên theo các nội dung ghi trong Phụ lục IV.</p> <p><b>Bước 3.</b> Kết luận, trả giấy khám sức khỏe thuyền viên theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 14/2013/TT-BYT.</p> <p><b>Bước 4.</b> Đối tượng khám sức khỏe có Giấy cam kết tự nguyện đi làm việc trên tàu biển theo mẫu quy định</p> <p><b>Bước 5.</b> Chủ tàu có văn bản đề nghị.</p> <p><b>Bước 6.</b> Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017.</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	
	Đến trực tiếp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	
	<p><b>1. Thành phần hồ sơ bao gồm :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy Khám sức khỏe thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam;</li> <li>- Văn bản đề nghị của chủ tàu;</li> <li>- Giấy cam kết tự nguyện đi làm việc trên tàu biển theo mẫu quy định.</li> </ul> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>

<b>Thời hạn giải quyết</b>	
	<p>1. Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên đơn lẻ: cơ sở khám sức khỏe thuyền viên trả Giấy khám sức khỏe thuyền viên, Sổ khám sức khỏe thuyền viên định kỳ cho người được khám sức khỏe thuyền viên trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe thuyền viên, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám sức khỏe thuyền viên;</p> <p>2. Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên tập thể theo hợp đồng: cơ sở khám sức khỏe thuyền viên trả Giấy khám sức khỏe thuyền viên, Sổ khám sức khỏe thuyền viên định kỳ cho người được khám sức khỏe thuyền viên theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.</p>
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	
	Tổ chức, Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	
	Các cơ sở khám chữa bệnh
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	
	Giấy chứng nhận sức khỏe thuyền viên
<b>Lệ phí</b>	
	Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm ngay sau thủ tục này)</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế: Mẫu giấy khám sức khỏe thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam;</li> <li>- Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế: Mẫu Giấy cam kết tự nguyện làm việc trên tàu.</li> </ul>
<b>Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sức khỏe đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II;</li> <li>- Văn bản đề nghị của chủ tàu;</li> <li>- Giấy cam kết tự nguyện đi làm việc trên tàu biển theo mẫu quy định.</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	
	1. Luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

2. Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe.

3. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.

**Phụ lục số IV**  
**Mẫu Giấy khám sức khỏe thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



Ảnh màu  
Picture  
(3x4cm)

BỘ Y TẾ  
BỆNH  
VIỆN.....  
MINISTRY OF HEALTH  
HOSPITAL.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

No:...../.....

**GIẤY KHÁM SỨC KHOẺ**  
(Medical examination)

Họ và tên (Name (last, first, middle))..... Giới (Sex): Nam (male) ,  
Nữ (female)   
Ngày tháng năm sinh (Date of birth (day/month/year)).....; Quốc tịch (Nationality).....  
Số hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân (Passport No./ID Book No).....  
Địa chỉ thường trú (Permanent address) : .....

Học sinh  ; Thuyền viên  ; Chức danh trên tàu (Position on the ship).....  
Tên và địa chỉ của Trường hoặc của Chủ tàu/Doanh nghiệp (Name and Address of school or Shipowner).....  
.....  
Khu vực hoạt động của tàu (tuyến biển trong nước, quốc tế (Trade area (e.g., coastal, worldwide)).....  
Lý do khám sức khỏe (purpose of health's examination): Khám khi tuyển dụng (Pre-sea)  ; Khám định kỳ (Periodic)  ;  
Khám khác (Other)

**TIỀN SỬ SỨC KHOẺ (Examinee's Medical History)**  
(Assistance should be offered by medical staff)

Bạn có bất kỳ vấn đề gì sau đây có liên quan đến sức khỏe không? (Have you ever had any of the following conditions?)

Medical History	Yes	No	Medical History	Yes	No
01. Bệnh mắt (Eye disease)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	10. Bệnh truyền nhiễm (Contagious diseases)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
02. Bệnh tai, mũi, họng (Ear nose throat diseases)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	11. Các rối loạn sinh dục (Genital disorders)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
03. Bệnh tim mạch (Cardio-vascular diseases)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	12. Điều trị ngoại khoa (Surgical treatments)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
04. Bệnh cơ quan hô hấp (Respiratory diseases)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	13. Mất ngủ (Sleep problem)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
05. Bệnh máu (Blood disorder)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	14. Nghiện rượu, ma túy? (Drug or alcohol abuse)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
06. Bệnh hệ nội tiết (Disease of Endocrine system)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	15. Chóng mặt/ngất (Dizziness; fainting)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
07. Bệnh tiểu đường (Diabetes)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	16. Mất ý thức (Loss of consciousness)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
08. Bệnh thận - tiết niệu (Urological diseases)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	17. Rối loạn tâm thần (Neuro-Psychological Disorder)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
09. Bệnh ngoài da (Skin problem)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	18. Rối loạn vận động (Disorder of mobility)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Nếu trả lời "có" bất kỳ một câu hỏi nào ở trên, đề nghị mô tả chi tiết (If any of the above questions were answered "yes", please give details):

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu hỏi bổ sung (Additional questions):**

19. Bạn có cảm thấy thật sự khỏe mạnh và đủ khả năng để tham gia vào các nhiệm vụ được giao? (*Are you feel healthy and fit to perform the duties of your designated position/ occupation?*)
20. Bạn có bị dị ứng với bất kỳ loại thuốc nào không? (*Are you allergic to any medication(s)?*)

Nếu có, xin hãy ghi danh mục các loại thuốc đó, cả về lý do dùng thuốc và liều lượng (*If yes, please list the medications taken and the purposes and dosages*): .....

- Chứng nhận chủng vaccin (*Vaccination status recorded*):  Yes  No

Tôi xin cam đoan rằng những điều đã khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi (*I hereby certify that the personal declaration above is a true statement to the best of my knowledge.*)

Chữ ký của người khai (*Signature of examinee*).....

# PHẦN KHÁM

**Thể lực:** - Chiều cao (*Height*):.....(cm); - Cân nặng (*Weight*):.....(kg); - Vòng ngực trung bình (*mean chest circle*): .....cm  
 - Chỉ số BMI (*BMI index*): .....; - Lực bóp tay thuận (*pressed force of favourable hand*): .....(kg); Lực kéo thân (*pulled force of body*): ..... kg  
 - Lực bóp tay không thuận (*pressed force of unfavourable hand*): ..... (kg); **Bác sĩ khám ký(Doctor):**: .....  
**Mạch, huyết áp** (*Pulse & Blood pressure*): - Tần số mạch (*Pulse rate*): ..... / (*per minute*); - Nhịp tim (*Rhythm*): .....  
 - Huyết áp tâm thu (*Systolic*): .....(mm Hg); - Huyết áp tâm trương (*Diastolic*): .....(mm Hg); **Bác sĩ khám ký(Doctor):**: .....

Khám lâm sàng	Kết quả	BS ký	Clinical Examination	Results	BS ký
Hệ tim mạch ( <i>Cardio-vascular system</i> )			Hệ cơ, xương, khớp ( <i>Musculoskeletal system and systemic connective tissues</i> )		
Hệ hô hấp ( <i>Respiratory system</i> )			Hệ thần kinh ( <i>Neurologic system</i> )		
Hệ tiết niệu-sinh dục ( <i>Urogenital system</i> )			Rối loạn hành vi và tâm thần ( <i>Mental and behavioural disorders</i> )		
Hệ tiêu hoá ( <i>Digestive system</i> )			Các bệnh ngoại khoa ( <i>Surgical diseases</i> )		
Gan-mật ( <i>Bile-Liver</i> )			Tai, mũi, họng ( <i>Ear, nose, throat</i> )		
Hệ nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hoá ( <i>Endocrine, nutritional and metabolic system</i> )			Miệng/Răng ( <i>Mouth teeth</i> )		
Máu và cơ quan tạo máu ( <i>Blood and bloodforming organs</i> )			Mắt ( <i>Eyes</i> )		
Da và tổ chức dưới da ( <i>Skin and subcutaneous tissue</i> )			Bệnh khác ( <i>Other diseases</i> )		

Thị giác (*Sight*):

Thị lực (*Visual acuity*)

Thị trường (*Visual fields*)

	Không kính ( <i>Unaided</i> )			Có kính ( <i>Aided</i> )		
	Mắt phải ( <i>Right eye</i> )	Mắt trái ( <i>Left eye</i> )	Hai mắt ( <i>Binocular</i> )	Mắt phải ( <i>Right eye</i> )	Mắt trái ( <i>Left eye</i> )	Hai mắt ( <i>Binocular</i> )
Xa ( <i>Distant</i> ) (5m)						
Gần ( <i>Near</i> )						

	Bình thường ( <i>Normal</i> )	Hạn chế ( <i>Defective</i> )
Mắt phải ( <i>Right eye</i> )		
Mắt trái ( <i>Left eye</i> )		

Thị giác màu (*Colour vision*): Không thử (*Not tested*)  Bình thường (*Normal*)  Mù màu (*Doubtful*)  Hạn chế (*Defective*)

**Bác sĩ khám ký(Doctor):**: .....

Thính giác (*Hearing*): Thử âm đơn giản và đo sức nghe (*đơn vị đo là dB*) thường và nói thầm

Thử bằng nói

*Pure tone and audio metry (threshold values in dB)*  
whisper test (meters)

*Speech and*

	500 Hz	4,000 Hz	2,000 Hz	3,000 Hz	4,000 Hz	6,000 Hz
Tai phải ( <i>R. Ear</i> )						
Tai trái ( <i>L. Ear</i> )						

	Nội thường ( <i>Normal</i> )	Nội thầm ( <i>Whisper</i> )
Tai phải ( <i>R. Ear</i> )		
Tai trái ( <i>L. Ear</i> )		

**Bác sĩ khám ký(Doctor):**: .....

- XN Máu:	Blood test	Kết quả (Result)	Blood test:	Kết quả (Result)
Nhóm máu ( <i>Blood Group</i> ): .....	Số lượng hồng cầu/ <i>Erythrocyte</i>	.....	Leucocyte (Số lượng bạch cầu)	.....
	Hemoglobin (G/I)	.....	Leucocyte formula (công thức BC)	.....
	Tiểu cầu / <i>Thrombocytel (G/I)</i>	.....	Howell's time (thời gian Howell)	.....

Glycemia: .....; Blood lipid: Cholesterol: .....; Triglycerid: .....; HDL: .....; LDL: .....



RPR: [ ]; TPHA: .....[ ]; HBsAg: [ ]; HBcAg: [ ]; HCVAb: [ ]; HAVAb: [ ]; HIV: [ ];

Other:.....

Nồng độ alcohol máu (alcohol test): ..... - Nước tiểu (Urinalysis): Narcotic: [ ]; Amphetamine: [ ]; Đường (Glucose):....., Protein:.....; Other:.....

**Bác sĩ XN ký(Doctor):** .....

- Kết quả chụp X.Quang (result of chest X-ray) ..... **Bác sĩ XQ ký(Doctor):**

- Kết quả điện tim (ECG): ..... **Bác sĩ ký(Doctor):** ..... Chức năng hô hấp (Respiratory function)..... **Bác sĩ ký(Doctor):** .....

- Kết quả Siêu âm ổ bụng (Results of abdominal ultrasound): .... **Bác sĩ SA ký(Doctor):**

- Thử nghiệm thần kinh - tâm lý (Neuro-Psychological test):

- Khả năng chịu sóng (seawave withstand capacity): Tốt (good)  ; Trung bình (Average)  ; Kém (Bad)  **Bác sĩ khám ký(Doctor):** .....

**ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC TRÊN BIỂN (Assessment of fitness for studying and service at sea):**

*Căn cứ vào tiền sử, kết quả khám lâm sàng và xét nghiệm, kết luận tình trạng sức khỏe của học sinh/thuyền viên như sau (On the basis of the examinee's personal declaration, my clinical examination and the diagnostic test results recorded above, I declare the examinee medically):*

**Đủ sức khỏe học tập/làm việc (Fit for look-out duty)**

**Không đủ sức khỏe học tập/làm việc (Not fit for look-out duty)**

Không hạn chế (Without restriction)  Có hạn chế (With restriction)  ; Yêu cầu đeo kính (Visual aid required) Có (Yes)  Không (No)

**Nêu rõ những hạn chế (ví dụ: Vị trí đặt biển kim vác hoạt động của tàu) (Describe restriction (e.g., specific position, trade area of ship):**.....

**Ngày hết hạn của giấy khám sức khỏe (Ngày ...../...../ 20.....)**

*(Medical certificate's date of expiration (day/month/year))*

**Ngày khám (Date of examination):** ...../...../ 20.....

**CHỮ KÝ CỦA BÁC SĨ KẾT LUẬN**

*(Sign, full name, seal of authorized physician)*